

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4619/VĐ-VT-TBYT
V/v Yêu cầu báo giá TBYT

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở mua sắm vật tư y tế với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, địa chỉ tại: Số 40 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Đào Ngọc Thúy (0989.825.174).

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư- Thiết bị y tế, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, địa chỉ tại: Số 40 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

- Nhận qua email: vietduchospitalmuasam@gmail.com. Đơn vị cung cấp báo giá qua email phải ghi rõ **Số hiệu văn bản YCBG** trong nội dung email.

(Lưu ý: Các đơn vị phải gửi báo giá đồng thời theo 2 hình thức nêu trên)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h, ngày 03 tháng 10 năm 2024 đến trước 08h ngày 14 tháng 10 năm 2024.

Lưu ý: Yêu cầu quý công ty cung cấp thông tin đơn giá của các mặt hàng trong nội dung báo giá của mình trong trường hợp bệnh viện cần thay đổi số lượng cần mua sắm.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị y tế: Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm



2. Địa điểm cung cấp: Kho Vật tư tiêu hao – Phòng VT-TBYT – Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: ≤ 48 giờ kể từ khi có yêu cầu của Bệnh viện.

- Hạn sử dụng của hàng hóa tối thiểu 06 tháng kể từ ngày bàn giao.

- Phương thức giao nhận: Căn cứ số lượng gọi hàng của Bệnh viện, Bên bán thực hiện việc xuất hóa đơn bao gồm Thuế GTGT kèm biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa, chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa do bên bán chịu.

- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Căn cứ vào số lượng gọi hàng, Bên Bán thực hiện việc xuất hóa đơn thuế GTGT kèm biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa, giao cho Bệnh viện mua làm cơ sở để thanh toán, thời gian thanh toán tối đa 90 ngày kể từ khi Bên bán cung cấp đầy đủ chứng từ hợp lệ theo quy định cho Bệnh viện.

4. Các thông tin khác (nếu có):

4.1. Yêu cầu Hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

- Đăng ký kinh doanh của đơn vị chào giá;

- Tài liệu chứng minh đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế căn cứ theo Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP (áp dụng đối với các thiết bị loại B,C,D);

- Báo giá (theo mẫu Phụ lục 02 đính kèm).

- Cung cấp các tài liệu chứng minh hàng hóa được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 và Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023. Cung cấp Cataloge, cấu hình và tính năng kỹ thuật của trang thiết bị và các tài liệu khác liên quan đến trang thiết bị (Chứng nhận ISO của hãng sản xuất (còn hạn), Giấy phép nhập khẩu/Giấy chứng nhận lưu hành hoặc các tài liệu tương đương);

- Số điện thoại/ Email của đại diện đơn vị báo giá trong trường hợp Bệnh viện cần liên lạc.

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đã trúng thầu thông qua Đấu thầu rộng rãi.

Hợp đồng còn hiệu lực và thời gian từ khi ký hợp đồng đến ngày hết hạn thư mời báo giá không quá 12 tháng để bệnh viện có cơ sở áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu Mua sắm trực tiếp.

- Các thông tin khác (nếu có).

4.2. Các quy định đối với báo giá:

- Báo giá có đầy đủ các nội dung, mẫu biểu theo đúng mẫu đính kèm trong yêu cầu báo giá.

- Báo giá phải được đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá ký và đóng dấu theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (dề b/cáo);
- Lưu: VT, VT-TBYT. *Th*

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VT-TBYT



Hoàng Bảo Anh

VT
TC
Đ

PHỤ LỤC 01. BẢNG MÔ TẢ

(Kèm theo công văn số: 4614 /VĐ-VTTBYT ngày 05 tháng 10 năm 2024)

Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật

I. YÊU CẦU CHUNG:

- Hàng hóa mới 100%
- Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 còn hiệu lực.

II. DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, TÍNH NĂNG KỸ THUẬT CƠ BẢN:

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Cấu hình và tính năng kỹ thuật/yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Số lượng dự kiến
1	Kim gây tê tủy sống	Cái	Kim gây tê tủy sống đầu có 3 mặt vát. Chuôi kim trong suốt, có phản quang giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. Có tối thiểu các cỡ kim: 18G, 20G, 22G, 25G, 27G; chiều dài từ 88 - 90mm. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu, châu Mỹ.	18,800
2	Kim luồn mạch máu an toàn các cỡ	Cái	Kim luồn có cánh, có đầu bảo vệ bằng kim loại. Cung cấp được tối thiểu các cỡ 18G, 20G, 22G, 24G. Có màng kỹ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền. Catheter làm từ vật liệu FEP-Teflon hoặc tương đương, lưu được đến ≥ 72 h không gây kích ứng cho người bệnh, có ≥ 2 đường cân quang ngầm. Cung cấp được cả loại có cửa bơm thuốc và không có cửa bơm thuốc. Tiệt trùng EO. Đạt tiêu chuẩn ISO và EC.	12,300
3	Dụng cụ cắt nối thẳng nội soi đầu gấp góc 35mm sử dụng pin	Cái	Dụng cụ cắt mạch máu, chạy pin, không gồm ghim. Cán dài khoảng 320mm ($\pm 5\%$), đường kính cán khoảng 7mm, gấp góc 50 độ mỗi bên. Chiều dài đường ghim khoảng 35mm ($\pm 5\%$), chiều dài đường cắt chỉ thị khoảng 27mm ($\pm 5\%$). Đạt tiêu chuẩn FDA, CE. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu, châu Mỹ.	57
4	Ghim khâu dùng cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi đầu gấp góc 35mm sử dụng pin	Cái	Băng ghim mạch máu, mỗi bên hai hàng ghim, đầu tù. Chiều cao ghim mở khoảng 2,5mm ($\pm 5\%$); chiều cao ghim đóng khoảng 1,0mm ($\pm 5\%$). Có tối thiểu 35 ghim. Tương thích với dụng cụ cắt nối thẳng nội soi đầu gấp góc 35mm sử dụng pin. Đạt tiêu chuẩn FDA, CE. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu, châu Mỹ.	140
5	Bộ xông khí dung qua mặt nạ người lớn, trẻ em	Bộ	Dây dẫn dài tối thiểu 1,8m, một đầu dây dẫn lắp với bầu khí rung lắp ráp khít vào mặt nạ. Mask thở làm bằng nguyên liệu PVC y tế. Có tối thiểu các cỡ S, M, L, XL phù hợp với trẻ em, người lớn. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc	11,900
6	Điện Cực tim	Cái	Điện cực loại dán hình oval hoặc chữ nhật, kích thước tối thiểu 3cm x 4cm. Đầu giác nối với máy: kim loại phủ bạc.	214,700

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Cấu hình và tính năng kỹ thuật/yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Số lượng dự kiến
7	Túi lấy máu ba 250ml	Túi	<p>Túi máu ba được cung cấp kèm theo bộ lấy mẫu chân không gồm: giá đỡ lấy máu bằng ống xét nghiệm chân không, có nắp đậy, có kẹp đầu dây và túi để lấy mẫu dung tích $\geq 30\text{ml}$. Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy và không gây rỉ máu sau khi lấy đủ máu. Ống dây lấy máu dài $1200\text{mm} \pm 5\%$. Túi có sức bền của túi khi ly tâm $\geq 5000\text{g}$ trong tối thiểu ≥ 10 phút. Các đoạn mã ký hiệu trên ống dây đều được in laser.</p> <p>Cấu trúc túi máu ba gồm: Túi 1, dung tích $\geq 250\text{ml}$, dùng để chứa máu toàn phần hoặc khối hồng cầu, túi chứa 35ml dung dịch chống đông và bảo quản. Túi 2: dung tích $\geq 250\text{ml}$ để chứa huyết tương. Túi 3: dung tích $\geq 250\text{ml}$ chứa 56ml dung dịch bảo quản hồng cầu để bảo quản hồng cầu được đến ≥ 40 ngày. Đạt tiêu chuẩn CE. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu.</p>	15,000
8	Túi lấy máu ba 350ml	Túi	<p>Túi máu ba được cung cấp kèm theo bộ lấy mẫu chân không gồm: giá đỡ lấy máu bằng ống xét nghiệm chân không, có nắp đậy, có kẹp đầu dây và túi để lấy mẫu dung tích $\geq 30\text{ml}$. Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy và không gây rỉ máu sau khi lấy đủ máu. Ống dây lấy máu dài $1200\text{mm} \pm 5\%$. Túi có sức bền của túi khi ly tâm $\geq 5000\text{g}$ trong tối thiểu ≥ 10 phút. Các đoạn mã ký hiệu trên ống dây đều được in laser.</p> <p>Cấu trúc túi máu ba gồm:</p> <p>Túi 1, dung tích $\geq 350\text{ml}$, dùng để chứa máu toàn phần hoặc khối hồng cầu, túi chứa 49ml dung dịch chống đông và bảo quản. Túi 2: dung tích $\geq 350\text{ml}$ để chứa huyết tương. Túi 3: dung tích $\geq 350\text{ml}$ chứa 78ml dung dịch bảo quản hồng cầu để bảo quản hồng cầu được đến ≥ 40 ngày. Đạt tiêu chuẩn CE. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu.</p>	24,870
9	Dây cura xương	Cái	Dây dài từ 40-45cm, đường kính khoảng 1.5mm ($\pm \leq 0.2\text{mm}$), chất liệu bằng thép không gỉ hoặc tương đương. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu.	1,500
10	Điện cực kim	Cái	Dài khoảng $25\text{mm} \pm 5\%$, đường kính khoảng $30\text{G} \pm 5\%$, diện tích ghi khoảng $0.02\text{mm}^2 \pm 5\%$. Kim có lớp phủ silicone hoặc tương đương với ≥ 3 đầu thiết kế nhọn. Hướng diện tích ghi được chỉ thị ở cán kim bằng mã màu. Lõi vonfram hoặc tương đương. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu.	4,800

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Cấu hình và tính năng kỹ thuật/yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Số lượng dự kiến
11	Găng khám	Đôi	<p>Được sản xuất từ cao su thiên nhiên chất lượng cao, có phủ bột chống dính, thấm thấu được, không gây kích ứng da tay. Chưa tiết trùng.</p> <p>Không phân biệt tay trái và tay phải, thuận cả 2 tay, bề mặt nhám hoặc nhẵn. Cung cấp được tối thiểu kích cỡ S và M.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài (min): ≥ 240 mm. - Chiều dày 1 lớp (min): 0.08mm - Chiều rộng: size XS: 70 ± 10mm; size S: 80 ± 10mm; size M: 95 ± 10mm; size L: 111 ± 10mm; size XL: ≥ 110 mm. - Lượng bột: ≤ 10mg/dm² - Có phiếu kiểm tra chất lượng sản phẩm do Trung tâm đo lường chất lượng III kiểm nghiệm. Có giấy CFS 	2,360,500
12	Lưỡi dao mổ	Cái	<p>Chất liệu bằng thép không gỉ. Tiết trùng đơn chiếc. Cung cấp được tối thiểu các kích thước 11, 15, 21, 22. Tiêu chuẩn ISO và CE.</p>	70,700
13	Chỉ thép khâu xương ức số 5	Sợi	<p>Chỉ đơn sợi số 5, bằng thép không gỉ tối thiểu 316L, dài tối thiểu 45cm. 1 kim tròn đầu cắt, dài 48mm ($\pm \leq 1$ mm), 1/2 đường tròn, kim phủ silicon. Đầu kim xoay, phần đỉnh kèm kim vào chỉ có sẵn với đầu xoay, giúp thao tác dễ dàng và giảm thiểu xoắn chỉ. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC. Xuất xứ: G7, Liên minh châu Âu.</p>	2,420
14	Chỉ thép số 5	Sợi	<p>Chỉ đơn sợi số 5, bằng thép không gỉ, dài tối thiểu 45cm. 1 kim tròn đầu cắt, dài 48mm ($\pm \leq 1$mm) 1/2 đường tròn, kim phủ silicon, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn. Đạt tiêu chuẩn CE và FDA. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu, châu Mỹ.</p>	2,080
15	Chỉ điện cực tim số 3/0	Sợi	<p>Chỉ điện cực tim số 3/0, bằng thép không gỉ dạng xoắn, sợi dài tối thiểu 60cm. Gồm 2 kim: 1 kim thẳng dài khoảng 50-60mm và 1 kim tròn dài khoảng 15mm ($\pm \leq 2$mm), 1/2 vòng tròn, kim phủ silicon. Chỉ được phủ lớp cách điện chống giật khi đi xuyên qua thành ngực. Xuất xứ: G7, Liên minh châu Âu.</p>	830
16	Chỉ nâng mô	Sợi	<p>Chất liệu bằng silicone, dài tối thiểu 75cm, rộng 2.5mm (Sai số $\pm \leq 5\%$). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC. Xuất xứ: G7, Liên minh châu Âu.</p>	690

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Cấu hình và tính năng kỹ thuật/yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Số lượng dự kiến
17	Chỉ không tiêu đơn sợi số 0	Sợi	Chỉ không tiêu đơn sợi polypropylene số 0, sợi dài tối thiểu 100cm. 1 kim tròn đầu cắt, dài 35mm ($\pm \leq 1$ mm) 1/2 đường tròn, kim phủ silicone, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn. Đường kính kim ≤ 1.02 mm giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim > 2750 Mpa (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đóng gói trong khay nhựa giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt tiêu chuẩn CE và FDA. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu, châu Mỹ.	800
18	Chỉ không tiêu đơn sợi Polypropylene số 3/0	Sợi	Chỉ không tiêu đơn sợi phức hợp Polypropylene và Polyethylene số 3/0 dài tối thiểu 90cm. Gồm 2 kim tròn, dài 25mm ($\pm \leq 1$ mm), 1/2 vòng tròn. Kim bằng thép không gỉ phủ Silicone, thân kim hình bán vuông cải thiện khả năng chống uốn kim. Đóng gói trong khay nhựa, hiệu ứng nhớ hình thấp và chống xoắn sợi chỉ cao. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC. Xuất xứ: G7, Liên minh châu Âu.	2,820
19	Chỉ không tiêu đơn sợi số 5/0 (kim 17mm)	Sợi	Chỉ không tiêu đơn sợi Polypropylene số 5/0, dài tối thiểu 90cm. Gồm 2 kim tròn đầu cắt, kim dài khoảng 17mm ($\pm \leq 1$ mm) 1/2 đường tròn, kim làm bằng hợp kim, kim phủ lớp silicone, vùng kẹp kim phẳng giúp giữ chặt kim khi thao tác. Đường kính kim ≤ 0.41 mm giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim > 2750 Mpa (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đóng gói trong khay nhựa giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt tiêu chuẩn CE và FDA. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu, châu Mỹ.	3,290
20	Chỉ không tiêu đơn sợi số 7/0	Sợi	Chỉ không tiêu đơn sợi phức hợp Polypropylene và Polyethylene số 7/0 dài tối thiểu 60cm. Gồm 2 kim tròn, kim dài 10mm ($\pm \leq 1$ mm), 3/8 vòng tròn. Kim bằng thép không gỉ phủ Silicone, thân kim hình bán vuông cải thiện khả năng chống uốn kim. Đóng gói trong khay nhựa, hiệu ứng nhớ hình thấp và chống xoắn sợi chỉ cao. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC. Xuất xứ: G7, Liên minh châu Âu.	1,560
21	Chỉ không tiêu đơn sợi số 8/0	Sợi	Chỉ không tiêu đơn sợi polypropylene số 8/0, sợi dài tối thiểu 60cm. Gồm 2 kim tròn đầu cắt, kim dài 10mm ($\pm \leq 1$ mm) 3/8 đường tròn, kim bằng hợp phủ silicon, vùng kẹp kim phẳng giúp giữ chặt kim khi thao tác. Đường kính kim ≤ 0.25 mm giúp giảm chảy máu chân kim. Đóng gói trong khay nhựa giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt tiêu chuẩn CE và FDA. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu, châu Mỹ.	280

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Cấu hình và tính năng kỹ thuật/yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Số lượng dự kiến
22	Chỉ không tiêu đơn sợi Polyamid số 3/0	Sợi	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi chất liệu Polyamid số 3/0 dài tối thiểu 75cm. 1 kim tam giác, dài 25mm ($\pm \leq 1$ mm) 3/8 vòng tròn. Kim bằng hợp kim, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn. Chỉ được đóng trong khung nhựa giúp giảm rối sợi chỉ. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu, châu Mỹ.	43,700
23	Chỉ tiêu chậm đơn sợi Polyglyconate số 3/0	Sợi	Chỉ tiêu chậm đơn sợi Polyglyconate / glyconate số 3/0, sợi dài tối thiểu 70cm; thời gian giữ vết thương: tối thiểu 14 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 60-90 ngày. 1 kim tròn đầu tròn, dài 20mm ($\pm \leq 2$ mm) 1/2 vòng tròn, kim bằng thép có độ đàn hồi cao và được phủ silicon. Đóng gói trong khay nhựa, hiệu ứng nhớ hình thấp và chống xoắn sợi chỉ cao. Tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC. Xuất xứ: G7, Liên minh châu Âu.	3,460
24	Chỉ tiêu chậm đơn sợi Polyglyconate số 4/0	Sợi	Chỉ tiêu chậm đơn sợi Polyglyconate/ glyconate số 4/0, sợi dài tối thiểu 70cm; thời gian giữ vết thương tối thiểu 14 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 60 - 90 ngày. 1 kim tròn đầu tròn, kim dài 20mm ($\pm \leq 2$ mm) 1/2 vòng tròn, kim bằng thép có độ đàn hồi cao và được phủ silicon. Đóng gói trong khay nhựa, hiệu ứng nhớ hình thấp và chống xoắn sợi chỉ cao. Tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC. Xuất xứ: G7, Liên minh châu Âu.	4,100
25	Chỉ tiêu chậm đơn sợi số 5/0	Sợi	Chỉ tiêu chậm đơn sợi Polyglyconate/ glyconate số 5/0, sợi dài tối thiểu 70cm; thời gian giữ vết thương tối thiểu 14 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 60 - 90 ngày. 1 kim tròn dài 17mm ($\pm \leq 2$ mm) 1/2 vòng tròn, kim bằng thép có độ đàn hồi cao và được phủ silicon. Đóng gói trong khay nhựa, hiệu ứng nhớ hình thấp và chống xoắn sợi chỉ cao. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC. Xuất xứ: G7, Liên minh châu Âu.	2,000
26	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện Polyglycolic số 1	Sợi	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện số 1, dài tối thiểu 90cm, chỉ chất liệu Polyglycolic được bọc bởi chất diện hoạt có tác dụng chống xước và làm mềm, mượt sợi chỉ; thời gian giữ vết thương khoảng 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu tròn, dài 40mm ($\pm \leq 1$ mm) 1/2 vòng tròn, kim bằng thép phủ không gỉ phủ Silicone. Đóng gói trong khay nhựa giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu, châu Mỹ.	24,300

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Cấu hình và tính năng kỹ thuật/yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Số lượng dự kiến
27	Chỉ không tiêu đơn sợi số 4/0 (kim 20mm)	Sợi	Chỉ không tiêu đơn sợi Polypropylene số 4/0, dài tối thiểu 90cm. Gồm 2 kim tròn đầu cắt, kim dài 20mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 đường tròn, kim làm bằng hợp kim, kim phủ lớp silicone, vùng kẹp kim phẳng giúp giữ chặt kim khi thao tác. Đường kính kim $\leq 0.5\text{mm}$ giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim $> 2750\text{ Mpa}$ (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đóng gói trong khay nhựa giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt tiêu chuẩn CE và FDA. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu, châu Mỹ.	14,350
28	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền Polyglactine số 2/0 (dài 70cm)	Sợi	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền Polyglactine 910 số 2/0, chỉ dài tối thiểu 70cm. Sợi chỉ được bọc bởi chất điện hoạt có tác dụng chống xước và làm mềm, mượt sợi chỉ. Sức căng kéo giảm 50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu tròn dài 25mm ($\pm \leq 1\text{mm}$), cong 1/2 vòng tròn. Kim phủ Silicon. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC. Xuất xứ: G7, Liên minh châu Âu.	17,830
29	Chỉ không tiêu đơn sợi số 5/0 (kim bán vuông)	Sợi	Chỉ không tiêu đơn sợi phức hợp Polypropylene và Polyethylene số 5/0 dài tối thiểu 75cm. Gồm 2 kim tròn, cung cấp được 2 loại kim dài 13mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 3/8 vòng tròn và 17mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 vòng tròn. Kim bằng thép không gỉ phủ Silicone, thân kim hình bán vuông cải thiện khả năng chống uốn kim. Đóng gói trong khay nhựa, hiệu ứng nhớ hình thấp và chống xoắn sợi chỉ cao. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC. Xuất xứ: G7, Liên minh châu Âu.	8,760
30	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền Polyglycolic số 2/0	Sợi	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bền số 2/0, dài tối thiểu 75cm, chỉ có chất liệu Polyglycolic được bọc bởi chất điện hoạt có tác dụng chống xước và làm mềm, mượt sợi chỉ; thời gian giữ vết thương khoảng 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu tròn, dài 26mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 vòng tròn, kim bằng thép phủ không gỉ phủ Silicone. Đóng gói trong khay nhựa giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Tiêu chuẩn FDA, ISO 13485. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu, châu Mỹ.	21,500

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Cấu hình và tính năng kỹ thuật/yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Số lượng dự kiến
31	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện số 5/0	Sợi	Chỉ tiêu tổng hợp Polyglactine 910 số 5/0, sợi dài tối thiểu 75cm, được bọc bởi chất điện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng và không bong tróc; lực căng sợi chỉ còn 50% sau 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu thoi, dài 17mm ($\pm \leq 1$ mm) 1/2 vòng tròn, kim bằng thép không gỉ phủ Silicone. Đường kính kim ≤ 0.5 mm giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim > 2750 Mpa (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đóng gói trong khay nhựa giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt tiêu chuẩn CE và FDA. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu, châu Mỹ.	1,070
32	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp sợi bện số 4/0	Sợi	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp sợi bện số 4/0, sợi dài tối thiểu 75cm, chất liệu chỉ Polyglactin 910 được bọc bởi chất điện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng và không bong tróc; lực căng sợi chỉ còn 50% sau 05 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 40 - 45 ngày. 1 kim tam giác ngược, dài 20mm ($\pm \leq 1$ mm) 3/8 đường tròn, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn, kim bằng thép không gỉ phủ silicone. Đường kính kim ≤ 0.5 mm giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim > 2750 Mpa (có chứng nhận từ tổ chức độc lập). Đóng gói trong khay nhựa giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt tiêu chuẩn CE và FDA. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu, châu Mỹ.	5,930
33	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp sợi bện số 5/0	Sợi	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp sợi bện số 5/0, sợi dài tối thiểu 45cm, vật liệu chỉ Polyglactin 910 được bọc bởi chất điện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng và không bong tróc; lực căng sợi chỉ còn 50% sau 05 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 40 - 45 ngày. 1 kim tam giác ngược, dài 10mm ($\pm \leq 1$ mm) 3/8 đường tròn, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn, kim bằng thép không gỉ phủ silicone. Đường kính kim ≤ 0.36 mm giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim > 2750 Mpa (có chứng nhận từ tổ chức độc lập). Đóng gói trong khay nhựa giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt tiêu chuẩn CE và FDA. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu, châu Mỹ.	1,370
34	Vật liệu cầm máu tự tiêu Collagen 8x5cm	Miếng	Vật liệu cầm máu collagen tự tiêu, dạng sợi nhỏ, kích thước tối thiểu 5cmx8cm, tự tiêu hoàn toàn trong khoảng sau 21 ngày. Thẩm hút tốt, cầm máu nhanh, dễ bám dính vết thương. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC. Xuất xứ: G7, Liên minh châu Âu.	4,500

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Cấu hình và tính năng kỹ thuật/yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Số lượng dự kiến
35	Chỉ khâu phẫu thuật liền kim Nylon số 9/0	Sợi	Chỉ không tiêu đơn sợi Nylon số 9/0, sợi dài tối thiểu 15cm, màu đen. Kim tròn, dài 4mm ($\pm \leq 0.5\text{mm}$), 3/8 đường tròn. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu, châu Mỹ.	410
36	Chỉ khâu phẫu thuật liền kim Nylon số 10/0	Sợi	Chỉ không tiêu đơn sợi Nylon số 10/0, sợi dài tối thiểu 15cm, màu đen. Kim tròn, dài 4mm ($\pm \leq 0.5\text{mm}$), 3/8 đường tròn. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu, châu Mỹ.	950
37	Chỉ không tiêu đơn sợi số 6/0 (kim 13mm)	Sợi	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 6/0, sợi dài tối thiểu 60cm, bổ sung thành phần Polyethylenglycol hoặc tương đương có tác dụng chống xước và làm mềm, mượt sợi chỉ. Gồm 2 kim tròn đầu nhọn, kim dài 13mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 3/8 vòng tròn. Kim làm bằng hợp kim, kim phủ lớp silicone. Đóng gói trong khay nhựa giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt Tiêu chuẩn FDA và ISO 13485. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu, châu Mỹ.	3,700
38	Chỉ không tiêu đơn sợi số 4/0 (kim bán vuông)	Sợi	Chỉ không tiêu đơn sợi phức hợp Polypropylene và Polyethylene số 4/0 dài tối thiểu 90cm. Gồm 2 kim tròn, cung cấp được 03 loại kim dài 26mm ($\pm \leq 1\text{mm}$), kim 22mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) và kim 17mm ($\pm \leq 1\text{mm}$), 1/2 vòng tròn. Kim bằng thép không gỉ phủ Silicone, thân kim hình bán vuông cải thiện khả năng chống uốn kim. Đóng gói trong khay nhựa, hiệu ứng nhớ hình thấp và chống xoắn sợi chỉ cao. Tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016, EC. Xuất xứ: G7, Liên minh châu Âu.	9,280
39	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện Polyglactine số 0	Sợi	Chỉ tiêu tổng hợp Polyglactine 910 số 0, sợi dài tối thiểu 75cm, được bọc bởi chất điện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng và không bong tróc; lực căng sợi chỉ còn 50% sau 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu thoi, dài 35mm ($\pm \leq 1\text{mm}$) 1/2 vòng tròn, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn, kim bằng thép không gỉ phủ Silicone. Đường kính kim $\leq 0.85\text{mm}$ giúp giảm chảy máu chân kim. Độ bền kéo kim $> 2750\text{ Mpa}$ (được chứng nhận bởi tổ chức độc lập). Đóng gói trong khay nhựa giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt tiêu chuẩn CE và CFS. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu, châu Mỹ.	9,520

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Cấu hình và tính năng kỹ thuật/yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Số lượng dự kiến
40	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện có chất kháng khuẩn số 0	Sợi	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện có chất kháng khuẩn Polyglactin 910 số 0, sợi dài tối thiểu 90cm, được bọc bởi chất điện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng, không bong tróc và chất kháng khuẩn Irgacare MP hoặc chất liệu khác có tính năng tương đương; lực căng sợi chỉ còn 50% sau 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu tròn, dài 40mm ($\pm \leq 1$ mm) 1/2 đường tròn, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn, kim bằng thép không gỉ phủ silicone. Đường kính kim ≤ 1.15 mm giúp giảm chảy máu chân kim. Đóng gói trong khay nhựa giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt tiêu chuẩn FDA. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu, châu Mỹ.	2,600
41	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện có chất kháng khuẩn số 1	Sợi	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện có chất kháng khuẩn Polyglactin 910 số 1, sợi dài tối thiểu 90cm, được bọc bởi chất điện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng, không bong tróc và chất kháng khuẩn Irgacare MP; lực căng sợi chỉ còn 50% sau 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu tròn dài 40mm ($\pm \leq 1$ mm) 1/2 đường tròn, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn, kim bằng thép không gỉ phủ silicon. Đường kính kim ≤ 1.15 mm giúp giảm chảy máu chân kim. độ bền kéo kim > 2750 Mpa (có chứng nhận từ tổ chức độc lập). Đóng gói trong khay nhựa giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt tiêu chuẩn FDA. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu, châu Mỹ.	1,340
42	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện có chất kháng khuẩn số 3/0	Sợi	Chỉ tiêu tổng hợp sợi bện có chất kháng khuẩn Polyglactin 910 số 3/0, sợi dài tối thiểu 70cm, được bọc bởi chất điện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng, không bong tróc và chất kháng khuẩn Irgacare MP hoặc chất liệu khác có tính năng tương đương; lực căng sợi chỉ còn 50% sau 18-21 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 56-70 ngày. 1 kim tròn đầu tròn dài 26mm ($\pm \leq 1$ mm) 1/2 đường tròn, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim chắc chắn, kim bằng thép không gỉ phủ silicon. Đường kính kim ≤ 0.65 mm giúp giảm chảy máu chân kim. độ bền kéo kim > 2750 Mpa (có chứng nhận từ tổ chức độc lập). Đóng gói trong khay nhựa giúp tối thiểu nhớ hình và bảo vệ kim. Đạt tiêu chuẩn FDA. Xuất xứ: G7, Liên minh Châu Âu, châu Mỹ.	4,900

PHỤ LỤC 02: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số: 4614/VĐ-VTTBYT ngày 03 tháng 10 năm 2024)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ Khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế phí, lệ phí (nếu có) (%)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Giữ kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

Ghi chú: Yêu cầu các đơn vị ghi rõ giá trị thuế VAT cho từng thiết bị.

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày tháng năm [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày tháng năm [ghi ngày tháng năm kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

1 / S E M A

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày ... tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chung loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chung loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(*)
TƯ
ỆT

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng tiền Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(11) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên liên danh nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

